

(DỰ THẢO)

**BÁO CÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

(Đính kèm tờ trình số: 06 /TTr-HĐQT ngày 21/3/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương)

Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2018 được xây dựng dựa trên Điều lệ Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương ngày 24/4/2016. Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của một số điều khoản như dưới đây nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và nhu cầu quản trị, định hướng phát triển của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.

STT	Điều khoản	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung điều lệ sửa đổi	Giải trình
1	Phần mở đầu	<ul style="list-style-type: none">- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp.- Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành khác .- Điều lệ này được soạn thảo trên cơ sở sửa đổi Điều lệ ngày 08/06/2013 theo nội dung sửa đổi Điều lệ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2016.	<ul style="list-style-type: none">- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp.- <i>Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 70/2006/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật chứng khoán;</i>- <i>Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</i>- Điều lệ này được soạn thảo trên cơ sở sửa đổi Điều lệ ngày 24 tháng 4 năm 2016 theo nội dung	Bổ sung cơ sở pháp lý làm cơ sở xây dựng Điều lệ CTy

			sửa đổi Điều lệ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 4 năm 2018.		
2	Khoản Điều 1	1	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a/ "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>b/ "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c/ "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;</p> <p>d/ "<i>Cán bộ quản lý</i>" là Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p> <p>đ/ "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a/ "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>b/ "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c/ "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;</p> <p>d/ "<i>Người điều hành doanh nghiệp</i>" là <i>Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</i></p> <p>đ/ "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e./"<i>Thành viên HĐQT không điều hành</i>">(sau đây gọi là <i>thành viên không điều hành</i>): là thành viên HĐQT được quy định tại Điểm 6, khoản 1, Điều 2 Nghị định 71: không phải là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p>	<p>Thông nhất với thuật ngữ tại Nghị định 71</p> <p>Trong Điều lệ có quy định về "<i>Thành viên HĐQT không điều hành</i>"</p>

		<p>e/ "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 3 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>g/ "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>f/ "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 3 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>g/ "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	
3	Khoản 1 và Điều 2	<p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương - Tên tiếng Anh: Hai Duong Mining JSC - Tên giao dịch: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương - Tên viết tắt: KHD 	<p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương - Tên tiếng Anh: <i>Hai Duong Mining Joint Stock Company</i> - Tên giao dịch: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương - Tên viết tắt: HAMICO 	<p>Quy định lại tên tiếng Anh (không được viết tắt) Tên viết tắt KHD bị trùng – không đăng ký được</p>
4	Khoản 2 Điều 2	<p>2. Địa chỉ trụ sở chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương - Điện thoại: 03203.821.338 Fax: 03203.821.557 - E-mail: Hamicokshd@gmail.com Website: WWW.Khoangsanhaiduong.com 	<p>2. Địa chỉ trụ sở chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương - Điện thoại: 03203.821.338 Fax: 03203.821.557 - E-mail: Hamicokshd@gmail.com - Website: WWW.Khoangsanhaiduong.com 	
5	Khoản 7 Điều 4	<p>1. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.</p> <p>2. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận theo chế độ tài chính nhà nước hiện hành,</p>	<p>1. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.</p> <p>2. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận theo chế độ tài chính nhà nước hiện hành,</p>	

		<p>cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.</p> <p>3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông bầu ra thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, lãnh đạo Công ty giữa hai nhiệm kỳ, bầu thành viên Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh và quản trị, điều hành Công ty.</p> <p>5. Quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc Công ty, Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty, về việc sử dụng các giấy phép, giấy chứng nhận, các giấy tờ khác và con dấu của Công ty trong giao dịch, về việc góp vốn cổ phần, quản lý và theo dõi vốn, tài sản của Công ty.</p>	<p>cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.</p> <p>3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông bầu ra thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, lãnh đạo Công ty giữa hai nhiệm kỳ, bầu thành viên Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh và quản trị, điều hành Công ty.</p> <p>5. Quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc Công ty, Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty, về việc sử dụng các giấy phép, giấy chứng nhận, các giấy tờ khác và con dấu của Công ty trong giao dịch, về việc góp vốn cổ phần, quản lý và theo dõi vốn, tài sản của Công ty.</p> <p><i>7. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.</i></p> <p><i>Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Quy định rõ – Cty chỉ có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.</p>
6	Khoản 1	1. Khi thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, chi	1. Khi thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, chi	

	<p>Điều 7</p>	<p>nhánh, văn phòng đại diện, mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ, điều lệ, thay đổi <i>người quản lý</i>, người đại diện theo pháp luật của Công ty và các vấn đề khác trong nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh thì Công ty phải <i>đăng ký</i> với cơ quan <i>đăng ký kinh doanh có thẩm quyền chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện việc thay đổi</i>. Mọi trường hợp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ghi tại khoản này mà Công ty chưa đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định đều không hợp lệ và không có giá trị thi hành.</p>	<p>nhánh, văn phòng đại diện, mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ, điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty và các vấn đề khác trong nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh thì Công ty phải <i>thông báo</i> với cơ quan đăng ký kinh doanh. Mọi trường hợp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ghi tại khoản này mà Công ty chưa <i>thông báo</i> lại với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định đều không hợp lệ và không có giá trị thi hành.</p>	
<p>7</p>	<p>Điểm a, Khoản 2 Điều 17</p>	<p>a/ Đề cử người vào hội đồng quản trị và ban kiểm soát, Số người được đề cử tuân theo quy định sau:</p> <p>+ Đề cử vào thành viên HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>+ Đề cử vào thành viên ban kiểm soát : Cổ đông</p>	<p>a/ Đề cử người vào hội đồng quản trị và ban kiểm soát, Số người được đề cử tuân theo quy định sau:</p> <p>+ Đề cử vào thành viên HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>+ Đề cử vào thành viên ban kiểm soát : Cổ đông</p>	

		<p>hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p><i>+ Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</i></p>	<p>Quy định rõ hơn trường hợp ứng cử và đề cử không đủ các ứng viên. Ngoài ra các điều quy định về HĐQT, BKS tại Điều lệ hiện hành chưa quy định.</p>
8	Điều 18	<p><u>Điều 18:</u> Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán đầy đủ số cổ phần đã đăng ký mua 2. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 3. Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ Công ty. 4. Chấp hành quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị. 	<p><u>Điều 18:</u> Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.</p> <p><i>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</i> 2. <i>Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</i> <ol style="list-style-type: none"> a. <i>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i> 	<p>Quy định cụ thể hơn về Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông. – Theo Điều lệ Mẫu TT95</p>

		<p>5. Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.</p>	<p><i>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</i></p> <p><i>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</i></p> <p><i>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</i></p> <p><i>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</i></p> <p><i>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</i></p> <p><i>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</i></p> <p><i>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</i></p> <p><i>a. Vi phạm pháp luật;</i></p> <p><i>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i></p> <p><i>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</i></p>	
9	Khoản 1 Điều 20	<p>Điều 20: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.</p> <p>1. Các cổ đông có cổ phiếu loại chuyển nhượng không điều kiện, được tự do chuyển nhượng cho nhau, hoặc cho một bên thứ ba.</p>	<p>Điều 20: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.</p> <p>1. Các cổ đông có cổ phiếu loại chuyển nhượng không điều kiện, được tự do chuyển <i>nhượng</i> theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Dùng cụm từ <i>theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p>

10	Khoản 2 Điều 21	<p>Điều 21: Thừa kế cổ phiếu.</p> <p>2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký <i>làm sở hữu chủ</i> các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế quyền.</p>	<p>Điều 21: Thừa kế cổ phiếu.</p> <p>2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm <i>chủ sở hữu</i> các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế quyền.</p>	<i>sở hữu chủ - chủ sở hữu</i>
11	Khoản 1 Điều 26	<p>Điều 26: Phân phối lợi nhuận - lập quỹ - trả cổ tức:</p> <p>1. Theo các quy định về chế độ tài chính do nhà nước ban hành đối với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:</p> <p>Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí</p> <p>Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận chung - Thuế TNDN - <i>Các khoản phạt (nếu có)</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân chia như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ phúc lợi, khen thưởng mức trích do HĐQT xem xét báo cáo ĐHĐCĐ quyết định mức trích cụ thể, <i>nhưng quỹ phúc lợi, khen thưởng tối đa bằng ba (3) tháng lương thực hiện của năm quyết toán.</i> - Căn cứ tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư và phát triển của doanh nghiệp, HĐQT xem xét báo cáo ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận và 	<p>Điều 26: Phân phối lợi nhuận - lập quỹ - trả cổ tức:</p> <p>1. Theo các quy định về chế độ tài chính do nhà nước ban hành đối với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:</p> <p>Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí</p> <p>Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận chung - Thuế TNDN</p> <p>Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân chia như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ phúc lợi, khen thưởng mức trích do HĐQT xem xét báo cáo ĐHĐCĐ quyết định mức trích cụ thể. - Căn cứ tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư và phát triển của doanh nghiệp, HĐQT xem xét báo cáo ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận và mức trích lập các quỹ. - Bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp 	<p>Bỏ "<i>trừ đi các khoản phạt</i>" vì các khoản phạt được hạch toán chi phí kế toán.</p> <p>Bỏ "<i>..nhưng quỹ phúc lợi, khen thưởng tối đa bằng ba (3) tháng lương thực hiện của năm quyết toán.</i>" Vì không thực tế.</p>

		<p>mức trích lập các quỹ .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty . - Số còn chia cho các cổ đông. 	<p>luật và điều lệ công ty .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số còn lại chia cho các cổ đông <i>hoặc chuyển sang năm sau.</i> 	<p>Quy định thêm về việc số còn lại chia cho các cổ đông hoặc chuyển sang năm sau.</p>
12	Khoản 1 Điều 28	<p>Điều 28: Báo cáo tài chính - kiểm toán:</p> <p>1. Công ty phải <i>chấp hành</i> các báo cáo tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh gửi cho các cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Điều 28: Báo cáo tài chính - kiểm toán:</p> <p>1. Công ty phải <i>lập</i> các báo cáo tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh gửi cho các cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh <i>đồng thời báo cáo và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p>	<p>Theo quy định: Báo cáo tài chính phải công bố thông tin theo quy định về chứng khoán</p>
13	Khoản 2 Điều 28	<p>2. Kiểm toán:</p> <p>Các báo cáo tài chính phải được kiểm toán nội bộ hoặc thuê ngoài, phí kiểm toán do Công ty chịu.</p> <p>Mọi cổ đông đều có quyền mời một tổ chức kiểm toán có tư cách độc lập để thực hiện kiểm toán của Công ty. Cổ đông này phải chịu mọi chi phí và trách nhiệm hậu kiểm toán với Công ty và pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông thường niên <i>thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập</i> và uỷ quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa điều 	<p>2. Kiểm toán:</p> <p>Các báo cáo tài chính phải được kiểm toán nội bộ hoặc thuê ngoài, phí kiểm toán do Công ty chịu.</p> <p>Mọi cổ đông đều có quyền mời một tổ chức kiểm toán có tư cách độc lập để thực hiện kiểm toán của Công ty. Cổ đông này phải chịu mọi chi phí và trách nhiệm hậu kiểm toán với Công ty và pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập</i> hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và uỷ quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm 	<p>Quy định thêm việc ĐHĐCĐ chỉ định 01 Cty kiểm toán hoặc thông danh sách các</p>

		<p>khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính</p>	<p>toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính</p>	<p>công ty kiểm toán độc lập....</p>
14	Mục 1 Chương V	<u>MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC.</u>	<u>MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</u>	Phù hợp với TT95
15	Điều 29	<p><u>Điều 29: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</u></p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị và Giám đốc. - Ban kiểm soát Công ty. - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 	<p><u>Điều 29: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.</u></p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông; - Hội đồng quản trị; - Ban kiểm soát; - Giám đốc; - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 	<p>Phù hợp với TT95 Và khoản 1 Điều 134 Luật DN</p>
16	Điều 30	<p><u>Điều 30: Bộ máy quản lý Công ty.</u></p> <p>1. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc điều hành, các Phó giám đốc điều hành và một</p>	<p><u>Điều 30: Tổ chức bộ máy quản lý Công ty.</u></p> <p>1. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám</p>	<p>Phù hợp với TT95 Điều 33</p>

		<p>Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p> <p>2. Cán bộ quản lý</p> <p>a/ Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>b/ Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.</p>	<p>đốc điều hành, các Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh <i>quản lý</i> khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p> <p>2. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>a/ Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, <i>Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</i></p> <p>b/ Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành</p>	<p>Phù hợp với TT95 Điều 34</p> <p>Thay cụm từ “Cán bộ quản lý” bằng cụm từ “Người điều hành doanh nghiệp” cho phù hợp với thuật ngữ theo quy định tại nghị định 71</p>
17	<p>Khoản 1 Điều 33</p>	<p><u>Điều 33:</u> Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên một năm một lần vào trước tháng 5 hàng năm.</p>	<p><u>Điều 33:</u> Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên một năm một lần vào trước tháng 5 hàng năm. <i>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ</i></p>	

			<i>đồng thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.</i>	
18	Khoản 1 Điều 35	<p>Điều 35: Chương trình và nội dung họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.</p>	<p>Điều 35: Chương trình và nội dung họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp:</p> <p><i>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</i></p> <p><i>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</i></p> <p><i>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</i></p> <p><i>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</i></p> <p><i>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</i></p> <p><i>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</i></p>	Quy định cụ thể về chương trình và nội dung họp (Điều 18 Điều lệ mẫu – TT95)
19	Khoản 3 Điều 35	<p>3. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a/ Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.</p> <p>b/ Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm</p>	<p>3. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a/ Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.</p> <p>b/ Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm</p>	

		<p>quyền quyết định của đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c/ Những trường hợp khác quy định tại điều lệ Công ty.</p>	<p>quyền quyết định của đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>c/Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;</i></p> <p>d/ Những trường hợp khác quy định tại điều lệ Công ty.</p>	<p>Quy định thêm về trường hợp từ chối kiến nghị</p>
20	Điều 36	<p><u>Điều 36: Mời họp đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>1. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười năm (15) ngày trước ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu tham luận làm cơ sở để thông qua quyết định.</p>	<p><u>Điều 36: Mời họp đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>1. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười năm (15) ngày trước ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông (<i>tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</i>), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>2. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu tham luận làm cơ sở để thông qua quyết định, <i>đồng thời được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</i></p> <p><i>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</i></p>	<p>Quy định cụ thể hơn về thời gian gửi thông báo mời họp</p> <p>Quy định cụ thể trường hợp tài liệu ĐHĐCĐ đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Cty thì không bắt</p>

			<p><i>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i></p> <p><i>c. Phiếu biểu quyết;</i></p> <p><i>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</i></p> <p><i>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></p>	<p><i>buộc phải</i> gửi cho cổ đông. Và quy định các tài liệu phải công bố theo quy định.</p>
21	Điều 37	<p>Điều 37: Dự họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Cổ đông có quyền dự họp quy định tại khoản 1 điều 34 điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền, thì người được ủy quyền phải xuất trình giấy tờ ủy quyền cho chủ tọa biết trước khi khai mạc. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến Công ty trước khi khai mạc họp đại hội đồng cổ đông được coi là dự họp đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 37: Dự họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Cổ đông có quyền dự họp quy định tại khoản 1 điều 34 điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Trường hợp ủy quyền phải theo các quy định sau:</p> <p><i>a. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện;</i></p> <p><i>b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</i></p> <p><i>- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</i></p> <p><i>- Trường hợp cổ đông tổ chức là người</i></p>	<p>Quy định rõ hơn, cụ thể hơn về trường hợp ủy quyền tham dự</p>

		<p>2. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.</p>	<p><i>ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</i></p> <p><i>- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</i></p> <p><i>- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</i></p> <p>1.</p>	<p>Bỏ khoản 2 Điều này vì trái quy định.</p>
22	Điều 38	<p>Điều 38: Điều kiện, thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất nêu tại khoản 1 điều này không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì tiến hành triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp đại hội</p>	<p>Điều 38: Điều kiện, thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất nêu tại khoản 1 điều này không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì tiến hành triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi(30) ngày, kể từ ngày họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc</p>	

	<p>đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, thì cuộc họp của đại hội đồng cổ đông luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.</p> <p>4. Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp.</p> <p>5. Khi tiến hành đại hội, người chủ tọa đại hội đồng cổ đông phải kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông, hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (có ghi số cổ phần sở hữu).</p> <p>Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu thư ký đại hội và ban kiểm phiếu để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan tại đại hội.</p>	<p>họp đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, thì cuộc họp của đại hội đồng cổ đông luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.</p> <p>4. Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp.</p> <p>5. Khi tiến hành đại hội, người chủ tọa đại hội đồng cổ đông phải kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông, hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (có ghi số cổ phần sở hữu).</p> <p><i>6. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</i></p> <p><i>7. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên người được ủy quyền, mã cổ đông dự</i></p>	<p>Quy định cụ thể, rõ hơn từ mục 6 đến mục 13</p>
--	---	---	--

họp, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, các nội dung biểu quyết tại đại hội và các phương án tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

8. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

10. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác

			<p><i>định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</i></p> <p><i>11. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</i></p> <p><i>12. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</i></p> <p><i>13. Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu thư ký đại hội và ban kiểm phiếu để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan tại đại hội.</i></p>	
23	Khoản 2 Điều 39	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>....</p>	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>....</p>	Quy định rõ hơn các vấn đề phải biểu quyết tại cuộc họp (không được lấy ý kiến bằng văn bản)
24	Điểm khoản Điều 39 b, 5,	<p>b/ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết</p>	<p>b/ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết . Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị</p>	Thay cụm từ quyết định bằng cụm từ nghị quyết cho thống nhất.

		<p>định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	
25	<p>Điểm khoản 5, Điều 39.</p>	<p>d/ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>d/ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty <i>theo hình thức gửi thư, gửi Fax hoặc thư điện tử</i>. Trường hợp gửi thư thì phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu, <i>trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử phiếu lấy ý kiến phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</i></p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến <i>hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</i></p>	<p>Quy định rõ hơn các hình thức gửi phiếu về Cty <i>bao gồm gửi thư, fax, điện tử.</i> (ngoài hình thức gửi thư theo quy định tại điều lệ cũ)</p>

26	<p>Điểm Khoản Điều 39</p>	<p>e, 5, e/ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát <i>hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</i>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; - <i>Các quyết định</i> đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty <i>và của người giám sát kiểm phiếu</i>. <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực,</p>	<p>e/ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát <i>hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp</i>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; - <i>Các vấn đề</i> đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, <i>người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu</i>. <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <i>người kiểm phiếu</i> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực,</p>	<p>Thay cụm từ” <i>hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</i>” bằng cụm từ ” <i>hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp</i>” cho thống nhất với các điều khoản khác.</p> <p>Quy định thêm “<i>Người kiểm phiếu phải</i>” ký biên bản kiểm phiếu, Điều lệ cũ không quy định.</p>
----	----------------------------------	--	---	---

		không chính xác.	chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	
27	Điểm f, Khoản 5, Điều 39	f/ Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên <i>website</i> của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.	f/ Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên <i>trang thông tin điện tử</i> của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.	Thay cụm từ “ <i>website</i> ” bằng cụm từ “ <i>trang thông tin điện tử</i> ” cho thống nhất với thuật ngữ sử dụng trong các văn bản khác.
28	Khoản 6 Điều 39		6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Quy định rõ về việc khi các Nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp cho dù các trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. (<i>Khoản 4, Điều 21, Điều lệ mẫu, TT95</i>)
29	Khoản 1, Điều 40	Điều 40: Biên bản họp đại hội đồng cổ đông. 1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu quy định tại điều	Điều 40: Biên bản họp đại hội đồng cổ đông. 1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông phải <i>được ghi biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác</i> . Biên bản phải	Quy định rõ hơn về biên bản đại hội

		146 Luật doanh nghiệp.	<i>được lập bằng tiếng việt</i> và có các nội dung chủ yếu quy định tại điều 146 Luật doanh nghiệp.	
30	Khoản 3, Điều 40	3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên <i>website</i> của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <i>và gửi</i> cho tất cả các cổ đông	3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên <i>trang thông tin điện tử</i> của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <i>hoặc gửi</i> cho tất cả các cổ đông	Biên bản đã được đăng trên trang thông tin điện tử thì <i>không nhất thiết phải gửi cho các cổ đông.</i>
31	Điều 41	Điều 41: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc và ban kiểm soát có quyền yêu cầu toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này. 2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc điều lệ này.	Điều 41: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày <i>nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này</i> , thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kiểm soát viên có quyền yêu cầu toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39 Điều lệ này</i> 2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc điều lệ này. <i>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại</i>	Quy định thêm nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều Cty có quyền yêu cầu huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.

			<i>hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</i>	
32	Điểm Khoản Điều 42	e, 2, e/ Bổ nhiệm, giám sát hoạt động, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc theo đề nghị của giám đốc. Quyết định mức lương, lợi ích khác của <i>cán bộ quản lý đó</i> , đình chỉ các quyết định của giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quyết định của hội đồng quản trị. Ngoài các nhiệm vụ của giám đốc đã được quy định tại điều lệ này, hội đồng quản trị có trách nhiệm phân công cho giám đốc công ty thực hiện các công việc phù hợp với quy định của pháp luật.	e/ Bổ nhiệm, giám sát hoạt động, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc theo đề nghị của giám đốc. Quyết định mức lương, lợi ích khác của <i>người điều hành doanh nghiệp</i> , đình chỉ các quyết định của giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quyết định của hội đồng quản trị. Ngoài các nhiệm vụ của giám đốc đã được quy định tại điều lệ này, hội đồng quản trị có trách nhiệm phân công cho giám đốc công ty thực hiện các công việc phù hợp với quy định của pháp luật.	Thay cụm từ “ <i>cán bộ quản lý đó</i> ” bằng cụm từ “ <i>người điều hành doanh nghiệp</i> ”.
33	Điểm Khoản Điều 42	q, 2, q/ <i>Quyết định về quy chế tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật</i> , quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.	q/ Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.	Bỏ quy định về “ <i>Quyết định về quy chế tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật</i> ” thuộc thẩm quyền của HĐQT.
34	Khoản Điều 44	1, Điều 44: Chủ tịch, thành viên hội đồng quản trị. 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra	Điều 44: Chủ tịch, thành viên hội đồng quản trị. 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra	

		<p>một Chủ tịch. <i>Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</i></p>	<p>một Chủ tịch. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty.</i></p>	
35	Khoản 3, Điều 46	<p>3. Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp hội đồng quản trị do quy chế quản lý nội bộ Công ty quyết định.</p>	<p>3. Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp hội đồng quản trị do quy <i>chế nội bộ về quản trị Công ty quy định.</i></p>	
36	Điều 47	<p>Điều 47: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên hội đồng quản trị.</p> <p>1. Thành viên hội đồng quản trị có quyền yêu cầu giám đốc, phó giám đốc, <i>cán bộ quản lý khác</i> trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Nhưng thành viên hội đồng quản trị có trách nhiệm giữ bí mật, không được tiết lộ thông tin ra bên ngoài.</p> <p>2. <i>Cán bộ quản lý</i> được yêu cầu, phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu các thành viên hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 47: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên hội đồng quản trị.</p> <p>1. Thành viên hội đồng quản trị có quyền yêu cầu <i>Giám đốc, phó Giám đốc, người điều hành khác</i> trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Nhưng thành viên hội đồng quản trị có trách nhiệm giữ bí mật, không được tiết lộ thông tin ra bên ngoài.</p> <p>2. <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> được yêu cầu, phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu các thành viên hội đồng quản trị.</p>	<p>Thay cụm từ “<i>cán bộ quản lý</i>” bằng cụm từ “<i>người điều hành doanh nghiệp</i>”.</p>
37	Điểm e, khoản 1,	<p>e/ Tự ý thoái thác nhiệm vụ, hoặc bỏ nhiệm sở 5 ngày trong một tháng, hoặc 10 ngày</p>	<p>e/ Tự ý thoái thác nhiệm vụ, hoặc bỏ nhiệm sở 5 ngày trong một tháng, hoặc 10 ngày</p>	

	Điều 48	trong một năm mà không được hội đồng quản trị chấp nhận (áp dụng đối với thành viên kiêm nhiệm việc điều hành sản xuất kinh doanh trực tiếp tại Công ty).	trong một năm mà không được hội đồng quản trị chấp nhận (áp dụng đối với thành viên kiêm nhiệm việc điều hành sản xuất kinh doanh trực tiếp tại Công ty). <i>Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng(áp dụng đối với tất cả các thành viên HĐQT).</i>	Quy định thêm trường hợp không họp HĐQT trong vòng 06 tháng....sẽ bị miễn nhiệm
38	Khoản 1 Điều 49	<p align="center">Điều 49: Giám đốc Công ty, công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong hội đồng hoặc một người khác làm giám đốc. <i>Nếu bổ nhiệm chủ tịch hội đồng quản trị làm giám đốc thì phải được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua .</i></p> <p>Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p> <p>....</p>	<p align="center">Điều 49: Giám đốc Công ty, công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong hội đồng hoặc một người khác làm giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p> <p align="center">.....</p>	Bỏ quy định Chủ tịch HĐQT được kiêm nhiệm Giám đốc cho thống nhất với <i>khoản 1, Điều 44</i>
39	Khoản 2 Điều 49	<p>2. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty.</p> <p>Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:</p> <p>- Có trình độ nghiệp vụ chuyên môn từ</p>	<p>2. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty.</p> <p>Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:</p> <p>- Có trình độ nghiệp vụ chuyên môn từ</p>	

		<p>đại học trở lên, có đủ sức khoẻ đảm đương công việc, có trình độ quản lý kinh doanh, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.</p> <p>- Không thuộc các đối tượng cấm tham gia quản lý quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.</p> <p><i>- Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác trừ trường hợp được hội đồng quản trị cử tham gia quản lý các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty.</i></p>	<p>đại học trở lên, có đủ sức khoẻ đảm đương công việc, có trình độ quản lý kinh doanh, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.</p> <p>- Không thuộc các đối tượng cấm tham gia quản lý quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.</p>	<p>Bỏ quy định Giám đốc không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý, điều hành nào...<i>Vì không có quy định như vậy</i></p>
40	Điểm Khoản Điều 49 e, 3,	e/ Tuyển dụng, kỷ luật, cho thôi việc đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền <i>sau khi được hội đồng quản trị thông qua.</i>	e/ Tuyển dụng, kỷ luật, cho thôi việc đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền	Vấn đề này thuộc thẩm quyền của Giám đốc
41	Điểm Khoản Điều 49 i, 3,	i/ Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.	i/ Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.	Thay cụm từ " <i>cán bộ quản lý</i> " bằng cụm từ " <i>người điều hành doanh nghiệp</i> "
42	Khoản 1 Điều 50 Và khoản 5,6	1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là	1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của	-Thay cụm từ " Thành viên Ban kiểm soát " bằng cụm từ " Kiểm soát viên "

	<p>thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập <i>đang thực hiện</i> việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng của Công ty.</p> <p>a/ Tiêu chuẩn Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 21 tuổi trở lên, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định luật doanh nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thực, thẳng thắn, khách quan, không thiên vị, có tinh thần đấu tranh xây dựng. - Tích cực học tập, nắm vững chế độ chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước. - Có trình độ học vấn chuyên môn, chính trị từ trung cấp trở lên. - Thành viên ban kiểm soát không được giữ chức <i>vụ quản lý công ty</i>. Thành viên ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong công ty. <p>b/ Ban kiểm soát bầu một thành viên làm trưởng ban. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát là 05 năm. Trong nhiệm kỳ thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại. Trường hợp đại hội đồng cổ</p>	<p>công ty kiểm toán độc lập <i>thực hiện</i> kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và <i>người điều hành khác của Công ty.</i></p> <p>a/ Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 21 tuổi trở lên, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định luật doanh nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thực, thẳng thắn, khách quan, không thiên vị, có tinh thần đấu tranh xây dựng. - Tích cực học tập, nắm vững chế độ chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước. - Có trình độ học vấn chuyên môn, chính trị từ trung cấp trở lên. - Kiểm soát viên không được giữ chức vụ quản lý, <i>điều hành công ty.</i> Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong công ty. <p>b/ Ban kiểm soát bầu một Kiểm soát viên làm trưởng ban, Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát là 05 năm. Trong</p>	<p>cho thống nhất với Thuật ngữ quy định tại Nghị định 71 cho toàn bộ Điều này.</p> <p>- Quy định cụ thể hơn về tiêu chuẩn/ những người không được làm kiểm soát viên và Trưởng ban kiểm soát.</p>
--	--	---	--

		<p>đồng không bầu ban kiểm soát theo đúng nhiệm kỳ trên thì ban kiểm soát đã được bầu ở nhiệm kỳ trước mặc nhiên tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ cho đến khi đại hội cổ đông bầu ra ban kiểm soát mới.</p> <p>c/ Trong nhiệm kỳ, đại hội đồng cổ đông có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ. Chế độ làm việc cho thành viên ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi bầu ban kiểm soát hoặc do trưởng ban kiểm soát quy định sau khi thống nhất với Chủ tịch hội đồng quản trị.</p>	<p>nhiệm kỳ Kiểm soát viên có thể được bầu lại. Trường hợp đại hội đồng cổ đông không bầu ban kiểm soát theo đúng nhiệm kỳ trên thì ban kiểm soát đã được bầu ở nhiệm kỳ trước mặc nhiên tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ cho đến khi đại hội cổ đông bầu ra ban kiểm soát mới.</p> <p>c/ Trong nhiệm kỳ, đại hội đồng cổ đông có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ. Chế độ làm việc cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi bầu ban kiểm soát hoặc do trưởng ban kiểm soát quy định sau khi thống nhất với Chủ tịch hội đồng quản trị.</p>	
43	Điều 51	<p><u>Điều 51:</u> Cung cấp thông tin cho ban kiểm soát.</p> <p>Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, <i>các cán bộ quản lý khác</i> phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của ban kiểm soát, trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>Ban kiểm soát, <i>thành viên ban kiểm soát</i> không được tiết lộ bí mật của Công ty.</p>	<p><u>Điều 51:</u> Cung cấp thông tin cho ban kiểm soát.</p> <p>Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, <i>người điều hành khác</i> phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của ban kiểm soát, trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>Ban kiểm soát, <i>Kiểm soát viên</i> không được tiết lộ bí mật của Công ty.</p>	
44	Khoản 1, Điều 52	<p><u>Điều 52:</u> Những người không được làm</p>	<p><u>Điều 52:</u> Những người không được làm</p>	

		<p>thành viên ban kiểm soát:</p> <p>1. Thành viên hội đồng quản trị, Ban giám đốc, kế toán trưởng của Công ty và những người là vợ, <i>chồng, hoặc người thân trực hệ 3 đời của các thành viên nêu trên.</i></p>	<p>Kiểm soát viên:</p> <p>1. Thành viên hội đồng quản trị, Ban giám đốc, kế toán trưởng của Công ty và những người là vợ hoặc chồng, <i>cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của các thành viên nêu trên.</i></p>	<p>Bỏ quy định về trực hệ 3 đời chỉ quy định: <i>cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của các thành viên nêu trên</i></p>
45	Điều 53	<p>Điều 53: Nhiệm vụ thành viên HĐQT, ban kiểm soát, giám đốc công ty và cán bộ quản lý khác.</p>	<p>Điều 53: Trách nhiệm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, giám đốc và người điều hành khác.</p>	<p>Tại Điều này thay “Thành viên Ban kiểm soát” bằng cụm từ “Kiểm soát viên”</p> <p>Và cụm từ “cán bộ quản lý” bằng cụm từ “người điều hành”</p>
46	Điều 54	<p>Điều 54: Công khai thông tin và lưu trữ tài liệu của Công ty và quyền điều tra sổ sách và hồ sơ công ty.</p>	<p>Điều 54: Công khai thông tin và lưu trữ tài liệu của Công ty và quyền điều tra sổ sách và hồ sơ công ty.</p>	<p>Thay cụm từ “website” bằng cụm từ “trang thông tin điện tử”</p> <p>Tại Điều này thay “Thành viên Ban kiểm soát” bằng cụm từ “Kiểm soát viên”</p> <p>Và cụm từ “cán bộ quản lý” bằng cụm từ “người điều hành”</p>
47	Điều 63	<p>Điều lệ này gồm 9 chương, 63 điều đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương nhất trí</p>	<p>Điều lệ này gồm 9 chương, 63 điều đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương nhất trí thông qua</p>	

	<p>thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2016. Điều lệ này được lập bằng tiếng Việt Nam có giá trị pháp lý kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2016 để quy định nguyên tắc hoạt động và giải quyết các tranh chấp phát sinh của Công ty.</p>	<p>ngày 05 tháng 4 năm 2018. Điều lệ này được lập bằng tiếng Việt Nam có giá trị pháp lý kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2018 để quy định nguyên tắc hoạt động và giải quyết các tranh chấp phát sinh của Công ty.</p>	
--	---	---	--